
ẢNH HƯỞNG CỦA VỐN NHÂN LỰC VÀ ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI ĐẾN BẤT BÌNH ĐẲNG THU NHẬP

Nguyễn Văn Chiến

Trường Đại học Thủ Dầu Một

Email: chiennv@tdmu.edu.vn

Trần Bình Minh

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: minhbt@neu.edu.vn

Mã bài: JED-1628

Ngày nhận bài: 01/12/2023

Ngày nhận bài sửa: 02/01/2024

Ngày duyệt đăng: 06/02/2024

DOI: 10.33301/JED.VI.1628

Tóm tắt

Nghiên cứu nhằm xác định ảnh hưởng của vốn nhân lực và đầu tư trực tiếp nước ngoài đến bất bình đẳng thu nhập tại một số quốc gia châu Á điển hình trong thời gian từ 1990 đến 2022. Kết quả phân tích hồi quy ước lượng cho thấy thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có khả năng làm giảm bất bình đẳng thu nhập. Đồng thời, đầu tư giáo dục phổ thông làm giảm bất bình đẳng, nhưng độ mở thương mại làm tăng tình trạng bất bình đẳng thu nhập. Kết quả nghiên cứu cũng khẳng định quốc gia thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cao và đồng thời tăng đầu tư cho giáo dục có thể gia tăng thêm bất bình đẳng thu nhập và điều này đặt ra thách thức trong phát triển bền vững tại các nền kinh tế phát triển cao trong thời gian tới.

Từ khóa: Vốn nhân lực, bất bình đẳng, đầu tư, trực tiếp.

Mã JEL: F41, F42, F62

The influence of human capital and foreign direct investment on income inequality

Abstract

This study examines the impact of human capital and foreign direct investment on income inequality in selected Asian countries during the period from 1990 to 2022. Analysis results confirm that attracting foreign direct investment has the potential to reduce income inequality. Simultaneously, investing in general education reduces inequality, but trade openness increases income inequality. The research results also confirm that countries that attract high foreign direct investment and, at the same time, increase investment in education can further increase income inequality, and this poses challenges to sustainable development in highly developed economies in the coming time.

Keywords: Human capital, inequality, investment, direct.

JEL Codes: F41, F42, F62

1. Đặt vấn đề

Trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của các quốc gia, nhu cầu vốn là nguồn lực đầu vào quan trọng nhằm giúp các doanh nghiệp, người tiêu dùng nền kinh tế có khả năng tiếp cận nguồn vốn để thực hiện sản xuất, kinh doanh. Để đáp ứng yêu cầu về vốn, nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trở nên quan trọng do nguồn vốn này gắn liền với khoản đầu tư mang tính chất dài hạn, có khả năng tạo việc làm, sản lượng, đóng góp ngân sách lớn cho nền kinh tế, hơn nữa, nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thường có tính ổn định và an toàn hơn cho nền kinh tế. Do đó, các quốc gia luôn tìm nhiều cách để có thể thu hút được dòng vốn này tạo thêm nguồn lực tài chính cho phát triển kinh tế.

Các dòng vốn FDI thường gắn liền với dự án đầu tư có hàm lượng khoa học công nghệ cao, có năng suất lao động cao hơn các doanh nghiệp trong nước, nên thu hút dòng vốn FDI có khả năng tạo lan tỏa năng suất cho doanh nghiệp nội địa. Theo đó, các doanh nghiệp cung cấp hoặc doanh nghiệp tiêu thụ nội địa có khả năng cải thiện năng suất, chất lượng của sản phẩm do quá trình tương tác với doanh nghiệp nước ngoài. Điều này mang lại lợi ích cho doanh nghiệp nội địa và từ đó lợi ích cho nền kinh tế, nâng cao năng suất lao động, tăng trưởng kinh tế tại nước nhận đầu tư.

Các nghiên cứu trước cũng cho rằng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có ảnh hưởng nhất định tới bất bình đẳng thu nhập. Wang & cộng sự (2023) cho thấy FDI làm giảm bất bình đẳng thu nhập tại các nước mới nổi nhưng làm tăng bất bình đẳng thu nhập tại các nước phát triển. Tuy vậy, Kábrt & Brúna (2022) khẳng định vốn nước ngoài chảy vào các quốc gia mang lại lợi ích kinh tế cho nhóm thu nhập cụ thể và FDI không có tác động đáng kể đến bất bình đẳng thu nhập nhưng đầu tư gián tiếp làm phân phối thu nhập không đồng nhất hơn. Một số nghiên cứu khác cũng cho rằng có mối quan hệ giữa vốn nhân lực và bất bình đẳng (Turnovsky, 2011; Castelló-Climent & Doménech, 2021; Yuldashev & cộng sự, 2023). Cụ thể, Yuldashev & cộng sự (2023) lại cho rằng cải thiện vốn con người có tác động đến bất bình đẳng. Hoặc bất bình đẳng thu nhập có thể bắt nguồn từ bất bình đẳng tiếp cận các dịch vụ cơ bản như y tế và giáo dục (Castelló-Climent & Doménech, 2021).

Bất bình đẳng thu nhập tại một quốc gia thể hiện sự chênh lệch trong sự phân phối thu nhập giữa các nhóm đối tượng khác nhau trong xã hội. Một nền kinh tế phát triển hài hòa khi các nhóm đối tượng được phân phối thu nhập đồng đều, không tạo ra sự bất bình đẳng, phân biệt giàu nghèo và khả năng tiếp cận các dịch vụ công ích, phúc lợi của xã hội. Ngược lại một nền kinh tế có mức độ bất bình đẳng thu nhập cao thường kéo theo sự chênh lệch tỷ lệ đói nghèo, nhiều người dân khó có khả năng tiếp cận dịch vụ và yếu thế hơn đối tượng khác, hiện tượng này có thể là mầm mống của gia tăng khoảng cách giàu nghèo, gia tăng sự không an toàn trong chính sách an sinh xã hội, an ninh, phát triển bền vững.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi thực hiện nghiên cứu tại các nước châu Á điển hình. Đây đều là các quốc gia có quy mô kinh tế lớn, dân số đông và có ảnh hưởng lớn tới kinh tế khu vực. Nghiên cứu được thực hiện qua phân tích hồi quy định lượng theo dữ liệu bảng, có đánh giá tính vững mạnh của nghiên cứu thông qua thực hiện hồi quy qua một số phương pháp điển hình của dữ liệu bảng. Kết quả nghiên cứu nhằm đánh giá sự mối quan hệ giữa vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại các nước này, qua đó kết quả nghiên cứu có thể gợi mở một số khuyến nghị chính sách cho các quốc gia này hoặc các quốc gia khác có điều kiện kinh tế, xã hội tương tự. Tính mới của nghiên cứu này có thể được liệt kê như sau: (1) nghiên cứu của Kábrt & Brúna (2022) được nghiên cứu tại 16 quốc gia tại châu Á, hoặc nghiên cứu của Yuldashev & cộng sự (2023) mới chỉ nghiên cứu được một số quốc gia điển hình tại châu Á, Yu & cộng sự (2011) nghiên cứu tại Trung Quốc, McLaren & Yoo (2017) nghiên cứu tại Việt Nam, và sự khác biệt nghiên cứu này được thực hiện tại các quốc gia đang phát triển hoặc phát triển cao, đây đều là các quốc gia đang dẫn dắt tăng trưởng tại khu vực châu Á, đồng thời có vấn đề về bất bình đẳng đang gia tăng; (2) các nghiên cứu trước Kábrt & Brúna (2022) sử dụng phương pháp ảnh hưởng phi tuyến tích giữa dòng vốn quốc tế và bất bình đẳng, hoặc Yuldashev & cộng sự (2023), Wu & Hsu (2012) sử dụng phân tích dữ liệu bảng thông thường, và trong nghiên cứu này ngoài sử dụng phân tích dữ liệu bảng thông thường thì nghiên cứu còn phân tích hồi quy theo FMOLS là một phiên bản của mô hình OLS sử dụng trong phân tích chuỗi thời gian và đặc biệt là có hiệu quả hơn đối với các vấn

đề liên quan đến tương quan và tính độc lập giữa các biến trong dữ liệu thời gian, đồng thời nghiên cứu cũng sử dụng phân tích theo DOLS nhằm phân tích tính động có kết hợp trong hồi quy OLS; (3) nghiên cứu này đồng thời đánh giá tác động tương tác của vốn nhân lực và đầu tư trực tiếp nước ngoài đến mức độ bất bình đẳng, và điều này chưa được thực hiện bởi các nghiên cứu của Kábrt & Brúna (2022), Wu & Hsu (2012), McLaren & Yoo (2017), Yuldashev & cộng sự (2023) hoặc các tác giả khác.

Ngoài phần mở đầu đã được đề cập. Phần còn lại của nghiên cứu bao gồm: Phần tiếp theo nghiên cứu thảo luận về tổng quan nghiên cứu trước, sau đó phần số liệu và phương pháp nghiên cứu. Sau đó nghiên cứu thảo luận về kết quả nghiên cứu, và cuối cùng là kết luận chung của nghiên cứu.

2. Tổng quan nghiên cứu trước

Tại các quốc gia, thu hút các dòng vốn quốc tế nhằm tạo nguồn lực tài chính cho phát triển kinh tế xã hội, tạo của cải vật chất cho nền kinh tế. Các dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thường có tính chất cam kết đầu tư lâu dài và do đó mang lại lợi ích lâu dài đối với nền kinh tế. Tuy vậy, các nghiên cứu trước cũng cho thấy vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có tác động rất khác nhau với bất bình đẳng thu nhập.

Quan điểm về bất bình đẳng, đặc biệt là bất bình đẳng xã hội gắn liền với bất bình đẳng về khả năng tiếp cận các dịch vụ, cơ hội và lợi ích đối với những cá nhân khác nhau trong xã hội, từ đó gây ra bất bình đẳng trong thu nhập. Bất bình đẳng tồn tại có liên quan đến giai cấp xã hội, dân tộc, chủng tộc, tôn giáo, lãnh thổ. Bất bình đẳng có thể đến nằm trong mối quan hệ kinh tế, địa vị xã hội hoặc mối quan hệ về chính trị. Quan điểm của Mác cho rằng mối quan hệ về giai cấp làm nảy sinh nhiều vấn đề trong đời sống xã hội, tạo ra sự bất bình đẳng trong lợi ích kinh tế, chính trị. Quan điểm của Max Weber cho rằng bất bình đẳng đến từ nguyên nhân thị trường, là sự khác biệt về khả năng thị trường và khả năng chiếm lĩnh thị trường của cá nhân phụ thuộc vào hiểu biết, bản lĩnh và kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp.

Do đó có thể thấy vốn nhân lực có ảnh hưởng nhất định đến bất bình đẳng. Yu & cộng sự (2011) cho rằng nhân tố quyết định tới bất bình đẳng thu nhập đến từ sự khác biệt về học vấn, Lee & Lee (2018) cho rằng mở rộng cơ hội giáo dục làm giảm bất bình đẳng giáo dục và do đó làm giảm bất bình đẳng thu nhập. Điều này khẳng định cải thiện vốn nhân lực thông qua sự phân phối công bằng trong tiếp cận giáo dục có khả năng làm giảm bất bình đẳng thu nhập. Yuldashev & cộng sự (2023) xóa bỏ tình trạng bất bình đẳng khi nó đang là vấn đề mang tính chất toàn cầu và khi quốc gia có khả năng giảm bất bình đẳng hiệu quả hơn khi có nguồn vốn con người cao hơn, do đó cải thiện vốn con người có khả năng làm giảm bất bình đẳng. Một kết quả nghiên cứu khác, McLaren & Yoo (2017) cho rằng có thể tồn tại mối quan hệ U ngược giữa vốn nhân lực và bất bình đẳng, tuy nhiên, tác động này là có sự khác biệt lớn giữa các quốc gia. Cụ thể, cải thiện vốn nhân lực có thể làm gia tăng bất bình đẳng tại mức vốn nhân lực thấp, và cải thiện vốn nhân lực có khả năng làm giảm bất bình đẳng tại mức vốn nhân lực cao. Hơn nữa, vai trò tiếp cận dịch vụ y tế, giáo dục đối với người dân là rất quan trọng nhằm cải thiện vốn nhân lực và tác động đến bất bình đẳng thu nhập (Castelló-Climent & Doménech, 2021). Hơn nữa, những rào cản thấp trong tiếp cận dịch vụ y tế, giáo dục có thể dẫn tới sự tích lũy nguồn nhân lực và điều này có tác động lan tỏa tích cực về kinh tế và xã hội (Marimon & Quadrini, 2011). Trường hợp tại Iran cho thấy phân phối lại thu nhập mang lại hiệu quả công bằng kinh tế và xã hội, làm tăng tăng vốn nhân lực và làm giảm mức độ bất bình đẳng và giúp cho xã hội phân phối thu nhập công bằng hơn (Shahpari & Davoudi, 2014).

Trong bối cảnh kinh tế hiện nay, hợp tác giữa các quốc gia trở nên tất yếu, đặc biệt là các dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trở thành nguồn tài chính quan trọng giúp ích cho phát triển kinh tế. Wang & cộng sự (2023) cho rằng quá trình tự do hóa tài khoản vốn và toàn cầu hóa tài chính hiện nay đã khiến các quốc gia có liên kết chặt chẽ với nhau hơn và mang lại động lực thúc đẩy tiến bộ công nghệ. Đồng thời, quá trình đầu tư trực tiếp nước ngoài kéo theo cải thiện vốn nhân lực, đồng thời vốn nhân lực cao giúp quốc gia có lợi thế trong thu hút dòng vốn này. Do đó, thu hút vốn FDI và phát triển vốn nhân lực đòi hỏi sự phối hợp tổng hòa trong chính sách quốc gia (Kheng & cộng sự, 2017). Wang & cộng sự (2023) cho rằng đầu tư trực tiếp nước ngoài có khả năng lan tỏa công nghệ đáng kể theo chiều ngang và chiều dọc tại nước nhận đầu tư, do đó mang lại lợi ích cho nước tiếp nhận thông qua cải thiện năng suất, sự đổi mới nhưng có thể làm xấu thêm

tình trạng bất bình đẳng. Wang & cộng sự (2023) nghiên cứu trên dữ liệu 126 quốc gia cho thấy FDI làm giảm bất bình đẳng thu nhập tại các nước mới nổi nhưng làm tăng bất bình đẳng thu nhập tại các nước phát triển. Hơn nữa, các nền kinh tế mới nổi có thể sử dụng nguồn vốn FDI để đẩy nhanh quá trình tích lũy vốn cho nền kinh tế và khắc phục thâm hụt tiết kiệm trong nước. Kábrt & Brúna (2022) cho rằng dòng vốn này nên được phân bổ đồng đều trên tất cả các lĩnh vực với lợi ích như nhau cho các chủ thể để tránh gia tăng những tác động tiêu cực của dòng vốn nước ngoài và bất bình đẳng. Thực tế cho thấy khả năng tiếp cận vốn nước ngoài không đồng đều dẫn tới cơ hội tăng trưởng không đồng đều ở trong các lĩnh vực và liên quan tới sự không đồng nhất về thu nhập.

Thời gian gần đây, các nghiên cứu cho rằng thay đổi về tiền lương do sự gia tăng nhu cầu của lao động có tay nghề cao, là do sự gia tăng cạnh tranh nhập khẩu từ các nước có mức lương thấp chuyển nguồn lực sang các ngành sử dụng lao động có tay nghề. Wu & Hsu (2012) sử dụng dữ liệu cắt ngang từ 54 quốc gia trong giai đoạn 1980 đến 2005 và cho rằng FDI có thể có hại cho sự phân phối thu nhập của những nước có khả năng hấp thụ thấp, ngược lại, FDI ít ảnh hưởng tới bất bình đẳng thu nhập tại quốc gia có khả năng hấp thụ cao hơn. Yu & cộng sự (2011) cho rằng nguyên nhân khiến khoảng cách tăng lên trong thu nhập tại Trung Quốc do chênh lệch lớn trong phân bổ nguồn vốn FDI. Cụ thể, FDI có đóng góp đáng kể vào tăng trưởng thương mại và GDP, tuy nhiên dòng vốn FDI chủ yếu tập trung vào những địa phương ven biển của Trung Quốc nên dòng vốn FDI ít có tác động tới tăng trưởng ở các tỉnh miền Tây. Yu & cộng sự (2011) nhấn mạnh tình trạng bất bình đẳng tại Trung Quốc tăng lên trong thời gian đầu nhưng đã bắt đầu giảm xuống, đặc biệt là từ năm 2002. McLaren & Yoo (2017) cho rằng FDI tăng lên ở một địa phương có ảnh hưởng đến sự sụt giảm về mức sống của hộ gia đình, đặc biệt khi họ không có thành viên làm việc cho các doanh nghiệp nước ngoài. Do đó, có sự dịch chuyển lao động từ khu vực nông thôn tới khu vực có khả năng thu hút FDI có khả năng làm cải thiện phúc lợi hộ gia đình và giảm mức độ bất bình đẳng.

Do đó, nghiên cứu này nhằm thực hiện ảnh hưởng vốn nhân lực đến bất bình đẳng trong bối cảnh hội nhập kinh tế tại các nước châu Á điển hình, đặc biệt gắn với bối cảnh hội nhập quốc tế gắn liền với thu hút các dòng vốn đầu tư quốc tế làm dịch chuyển lao động và phúc lợi cho hộ gia đình và nền kinh tế.

3. Nguồn số liệu và phương pháp nghiên cứu

3.1. Nguồn số liệu

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu của Việt Nam và một số quốc gia điển hình tại châu Á, bao gồm: Việt Nam, Thái Lan, Singapore, Indonesia, Malaysia, Philippines, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ, Bangladesh và Pakistan. Đây đều là các quốc gia có GDP danh nghĩa cao và là quốc gia có mức độ phát triển kinh tế nhanh, đều được xếp vào nhóm quốc gia mới nổi. Thời gian thu thập dữ liệu trong khoảng thời gian 1990 đến 2022. Nguồn dữ liệu được thu thập từ bộ dữ liệu thuộc World Development Indicators thuộc Ngân hàng thế giới. Một số dữ liệu khác được thu thập từ thống kê từng quốc gia.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Dựa theo các nghiên cứu của Yuldashev & cộng sự (2023), chúng tôi có sự điều chỉnh cho phù hợp với nghiên cứu này, phương trình ước lượng như sau:

$$INEQ_{it} = \beta_0 + \beta_1 FDI_{it} + \beta_2 HUMAN_{it} + \beta_3 TO_{it} + \beta_4 GDPP_{it} + \varepsilon_{it}$$

Trong đó,

$INEQ_t$ là mức độ bất bình đẳng của quốc gia i tại thời điểm t , được lấy bằng chỉ số GINI. Quốc gia có chỉ số GINI cao đồng nghĩa với mức độ bất bình đẳng thu nhập cao, và quốc gia có hệ số GINI thấp đồng nghĩa với bất bình đẳng thấp;

$GDPP_{it}$ là thu nhập bình quân đầu người (USD/người/năm) của quốc gia i tại thời điểm t ;

FDI_{it} là biến số phản ánh vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, được tính theo % GDP của quốc gia i tại thời điểm t ;

TO_{it} là mức độ thương mại và được tính theo % GDP của quốc gia i tại thời điểm t ;

$HUMAN_{it}$ đo bằng vốn nhân lực của quốc gia i tại thời điểm t , đo lường bằng khả năng tiếp cận giáo dục phổ thông thông qua tỷ lệ nhập học tại quốc gia i và thời điểm t ;

Phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong nghiên cứu này là phân tích định lượng, trong đó chúng

Bảng 1. Thống kê mô tả

Các biến số	Mean	Std. Dev.	Min	Max
INEQ	0,5417	0,0626	0,4322	0,6905
FDI	3,3571	5,2710	-2,7574	32,6911
HUMAN	103,0542	6,5664	84,4679	127,5488
TO	93,0561	90,7119	15,5062	437,3267
GDPP	10055,83	15287,27	96,7193	82807,65

Nguồn: Phân tích của tác giả

tôi thực hiện hồi quy theo dữ liệu bảng theo các phương pháp hồi quy OLS, FEM và REM, đồng thời đánh giá tự tương quan và phương sai thay đổi. Nghiên cứu cũng đồng thời ước lượng qua phân tích FMOLS và DOLS phù hợp cho dữ liệu bảng được thảo luận bởi Yahyaoui & Bouchoucha (2021). Đồng thời, kết quả nghiên cứu theo FMOLS và DOLS có thể đánh giá thêm mối quan hệ dài hạn giữa các nhân tố. Ngoài ra, phân tích theo FMOLS và DOLS còn là cơ sở để đánh giá tính vững của nghiên cứu, cụ thể, thông qua ước lượng FMOLS nhằm đánh giá các đặc tính khác nhau, sự không đồng nhất trong các tác động dài hạn của các biến số trong mô hình nghiên cứu. Ước lượng DOLS đánh giá tính đồng nhất do các quốc gia khu vực châu Á cũng có một số đặc điểm có tính chất tương tự nhau. Theo lý thuyết, ước lượng theo FMOLS là một

Bảng 2. Ma trận tương quan

Các biến	INEQ	FDI	HUMAN	TRADE	INCOME
INEQ	1,0000				
FDI	0,1584	1,0000			
HUMAN	-0,1839	-0,2887	1,0000		
TO	0,2682	0,7566	-0,4549	1,0000	
GDPP	-0,3991	0,2032	-0,5235	0,1818	1,0000

Nguồn: Phân tích của tác giả

Bảng 3. Phân tích VIF

Biến	VIF	1/VIF
TO	2,82	0,354820
FDI	2,43	0,410719
HUMAN	1,74	0,574812
GDPP	1,43	0,699921
VIF trung bình	2,11	

Nguồn: Phân tích của tác giả

phiên bản của mô hình OLS và được sử dụng phân tích dữ liệu bảng, tương đối phù hợp phân tích các tác động về mặt thời gian do xét đến tính tương quan và tính độc lập giữa các biến trong dữ liệu thời gian, đồng thời ước lượng DOLS còn đánh giá tính động có kết hợp trong hồi quy OLS, là cơ sở đối chiếu thêm cho các kết quả hồi quy truyền thống.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thống kê mô tả

Bảng 1 là kết quả thống kê mô tả các biến sử dụng trong nghiên cứu. Mức độ bất bình đẳng (hệ số GINI) đạt giá trị trung bình 0,54 và giá trị cao nhất 0,69 và thấp nhất là 0,43, có thể thấy mức các quốc gia có mức độ bất bình đẳng tương đối đồng đều. Về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI đạt bình quân 3,35% GDP, trong đó có quốc gia như Singapore đã từng có năm đạt tới 32,69% GDP. Về khả năng tiếp cận giáo dục phổ thông đều cho thấy các nước luôn tạo điều kiện chính sách phù hợp giúp cho trẻ em được tới trường.

Phân tích tương quan Bảng 2 cho thấy các biến có mức độ tương quan thấp nên ước lượng đã loại trừ được khả năng xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến, hơn nữa kết quả phân tích VIF tại Bảng 3 cho thấy hệ số VIF trung bình đạt 2,11 và tương đối nhỏ.

4.2. Kết quả hồi quy

Qua kết quả tại Bảng 4 và Bảng 5, có thể thấy rằng:

Bảng 4. Kết quả hồi quy

	FEM	OLS	REM	GLS	DOLS	FMOLS
FDI	0,0031** (0,029)	-0,0044** (0,015)	0,0020 (0,124)	-0,0044** (0,013)	-0,0093*** (0,000)	-0,0046 (0,135)
HUMAN	-0,0031*** (0,000)	-0,0076*** (0,000)	-0,0032*** (0,000)	-0,0076*** (0,000)	-0,0001 (0,929)	-0,0056*** (0,001)
TO	-0,0001 (0,750)	0,0002*** (0,009)	-0,0001 (0,401)	0,0002*** (0,008)	0,0007*** (0,000)	0,0003** (0,031)
GDPP	-0,0002 (0,955)	-0,0432*** (0,000)	-0,0026 (0,445)	-0,0432*** (0,000)	-0,0690*** (0,000)	-0,0386*** (0,000)
_cons	0,8646*** (0,000)	1,6887*** (0,000)	0,9027*** (0,000)	1,6887*** (0,000)		1,4379*** (0,000)
R-squared	0,2767	0,4664	0,2701		0,8652	
F test	F (8, 149) = 72,03 Prob > F = 0,000					
Kiểm định Breusch và Pagan Lagrangian	chibar2(01) = 562,67 Prob > chibar2 = 0,0000					
Kiểm định Wald hiệu chỉnh cho phương sai thay đổi	chi2 (9) = 610,75 Prob>chi2 = 0,0000					
Kiểm định Wooldridge tự tương quan	F(1, 6) = 42,725 Prob > F = 0,0006					

Nguồn: Phân tích của tác giả

Bảng 5. Kết quả hồi quy (tác động tương tác)

	OLS	FEM	REM	GLS	DOLS	FMOLS
FDI	-0,0350** (0,012)	-0,0115 (0,464)	-0,0231 (0,078)	-0,0350*** (0,010)	0,0173 (0,726)	-0,0367 (0,009)
HUMAN	-0,0083*** (0,000)	-0,0035*** (0,000)	-0,0040*** (0,000)	-0,0083*** (0,000)	-0,0029 (0,077)	-0,0082*** (0,000)
HUMAN * FDI	0,0003*** (0,0026)	0,0001 (0,349)	0,0002 (0,052)	0,0003*** (0,002)	-0,0002 (0,627)	0,0003** (0,020)
TO	0,0003*** (0,002)	-0,0001 (0,869)	-0,0001 (0,977)	0,0003*** (0,001)	0,0007*** (0,000)	0,0003*** (0,001)
GDPP	-0,0411*** (0,000)	-0,0009 (0,795)	-0,0035 (0,307)	-0,0411*** (0,000)	-0,0647*** (0,000)	-0,0406*** (0,000)
_cons	1,7316*** (0,000)	0,9182*** (0,000)	0,9882*** (0,000)	1,7316*** (0,000)		1,7114*** (0,000)
R-squared	0,4959	0,2810	0,2762		0,8193	
Kiểm định F	F (8, 148) = 69,26 Prob > F = 0,000					
Kiểm định Hausman	chi2(5) = (b-B)'[(V_b- V_B)^(-1)](b-B) = 1.68 Prob>chi2 = 0.8916					
Kiểm định Breusch và Pagan Lagrangian	chibar2(01) = 630.33 Prob > chibar2 = 0.0000					
Kiểm định Wooldridge tự tương quan	F(1, 6) = 32.421 Prob > F = 0.0013					

Nguồn: Phân tích của tác giả

Một là, hệ số hồi quy của FDI có dấu âm và có ý nghĩa thống kê, nghĩa là có tác động tiêu cực của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đến bất bình đẳng thu nhập. Cụ thể, tăng khả năng thu hút dòng vốn quốc tế có khả năng làm giảm bất bình đẳng.

Hai là, hệ số hồi quy của biến HUMAN có dấu âm và có ý nghĩa thống kê, nghĩa là có tác động tiêu cực của khả năng tiếp cận giáo dục phổ thông đến bất bình đẳng thu nhập, hay làm giảm bất bình đẳng thu nhập. Nghĩa là gia tăng cơ hội tiếp cận giáo dục, y tế có khả năng cải thiện vốn nhân lực và từ đó làm giảm bất bình đẳng.

Ba là, tác động đồng thời của FDI và HUMAN mang dấu dương và có ý nghĩa thống kê, tuy vậy tác động này là thấp. Nghĩa là, khi vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đến quốc gia có khả năng tiếp cận giáo dục cao thì có khả năng làm tăng mức độ bất bình đẳng ở mức thấp. Kết quả nghiên cứu cho thấy gợi ý cho các nền kinh tế cần chú trọng trong thu hút các dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có hàm lượng khoa học công nghệ cao để có thể thúc đẩy hơn chất lượng nhân lực và gia tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ, cơ hội, lợi ích, và khả năng chiếm lĩnh thị trường đối với những cá nhân khác nhau trong xã hội, để có thể mang lại một nền kinh tế phát triển hài hòa, đảm bảo vừa phát triển kinh tế bền vững và tạo bình đẳng tăng thu nhập trong nền kinh tế.

5. Thảo luận

Từ kết quả nghiên cứu nêu trên, có thể thấy vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có khả năng làm giảm bất bình đẳng thu nhập. Nghĩa là quốc gia có khả năng thu hút dòng vốn FDI có khả năng làm giảm mức độ bất bình đẳng thu nhập. Có thể thấy ích lợi của thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với nền kinh tế và gia tăng khả năng cải thiện cơ hội việc làm, thu nhập và do vậy làm giảm tình trạng bất bình đẳng. Điều này phản ánh hiệu quả của chính sách mở cửa thu hút dòng vốn FDI tại các nước châu Á hiện nay, chính sách này đã tạo ra sự phát triển kinh tế hài hòa. Như trong nghiên cứu tại Trung Quốc, Yu & cộng sự (2011) cho rằng nguyên nhân khiến khoảng cách thu nhập tăng lên là do sự phân bổ nguồn vốn FDI, do nguồn vốn này tập trung ở địa phương ven biển và ít ở các tỉnh phía Tây và điều này làm gia tăng bất bình đẳng thu nhập. Qua nghiên cứu này một lần nữa khẳng định chính sách thu hút FDI nên tạo điều kiện cho dòng vốn này phân bổ đồng đều giữa các quốc gia, địa phương, từ đó có thể tạo ra tăng trưởng hài hòa hơn và giảm bất bình đẳng. Wang & cộng sự (2023) cũng khẳng định FDI làm giảm mức độ bất bình đẳng tại các nước mới nổi, nhưng có thể làm tăng mức độ bất bình đẳng tại các nước phát triển. Do đó, có thể thấy FDI là nguồn bổ sung quan trọng và tạo ra nhiều cơ hội việc làm, gia tăng thu nhập tại các nước mới nổi và đang phát triển, tuy vậy, lợi ích này có thể giảm đi khi quốc gia có mức độ phát triển cao, khả năng tiếp cận vốn nước ngoài không đồng đều dẫn tới cơ hội tăng trưởng không đồng đều và dẫn tới sự không đồng nhất về thu nhập (Kábrt & Brúna, 2022).

Kết quả nghiên cứu cũng cho rằng đầu tư vào giáo dục nền tảng từ bậc tiểu học có thể giúp giảm được tình trạng bất bình đẳng. Thực vậy, đầu tư vào giáo dục giúp cho người lao động có khả năng tiếp cận việc làm phù hợp và qua đó đảm bảo thu nhập cho người lao động, và từ đó giảm được tình trạng bất bình đẳng thu nhập. Tình trạng bất bình đẳng thu nhập xảy ra do khả năng tiếp cận việc làm khó khăn của người lao động, do đó họ không có khả năng cải thiện thu nhập và gia tăng bất bình đẳng. Chính vì vậy, đầu tư cho giáo dục là nâng cao vốn nhân lực và là điều kiện cần thiết giúp cho người lao động gia tăng cơ hội tìm kiếm cơ hội việc làm và phát triển. Yuldashev & cộng sự (2023) cũng ủng hộ quan điểm trên khi cho rằng cải thiện vốn nhân lực có thể làm giảm tình trạng bất bình đẳng khi nền kinh tế tạo ra nguồn lao động có chất lượng cao thì đồng thời giúp cho người lao động có nhiều cơ hội hơn trong tìm kiếm việc làm và cải thiện thu nhập, kéo theo giảm tình trạng bất bình đẳng. Tuy vậy, nghiên cứu cho rằng quốc gia có khả năng thu hút vốn FDI cao và người dân có khả năng tiếp cận cơ hội học tập cao hơn thì thường có mức độ bất bình đẳng tăng lên. Thực tế trong những năm gần đây, tình trạng bất bình đẳng tăng lên tại Trung Quốc, Nhật Bản khi các quốc gia này cũng tương đối thành công trong thu hút FDI, điều này đặt ra thách thức trong phát triển bền vững tại các nền kinh tế phát triển cao trong thời gian tới. Kết quả nghiên cứu cũng được khẳng định bởi Lee & Lee (2018) cho rằng tạo ra sự phân phối công bằng trong tiếp cận giáo dục làm giảm tình trạng bất bình đẳng.

Do đó, các quốc gia nên loại bỏ những rào cản trong tiếp cận dịch vụ y tế, giáo dục có thể dẫn tới sự tích lũy nguồn nhân lực và điều này có tác động lan tỏa tích cực về kinh tế và xã hội (Marimon & Quadrini, 2011).

Nghiên cứu cũng cho rằng gia tăng thu nhập bình quân đầu người có khả năng làm giảm tình trạng bất bình đẳng, tuy vậy độ mở thương mại tăng lên có thể làm tăng tình trạng bất bình đẳng. Thương mại quốc tế có lợi cho các nền kinh tế có hoạt động sản xuất mang lại giá trị gia tăng cao và có sự tham gia của doanh nghiệp nội địa, khi đó, lợi ích của thương mại quốc tế có thể mang lại hiệu quả lớn hơn cho nền kinh tế và khả năng cải thiện thu nhập và giảm tình trạng bất bình đẳng.

6. Kết luận

Trong quá trình phát triển kinh tế xã hội tại các quốc gia hiện nay, thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài như nguồn lực tài chính bổ sung cho đầu tư dài hạn, đặc biệt vào cơ sở hạ tầng, tài sản cố định cho nền kinh tế. Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thường có tính ổn định cao, có cam kết đầu tư dài hạn và có thể mang lại lợi ích lâu dài về mặt kinh tế, xã hội. Nghiên cứu ảnh hưởng của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đến bất bình đẳng thu nhập tại các nước châu Á diễn hình trong thời gian từ 1990 đến nay bằng phương pháp phân tích hồi quy định lượng. Kết quả nghiên cứu cho rằng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có khả năng giảm tình trạng bất bình đẳng thu nhập, điều này cũng tương tự như đầu tư cho giáo dục phổ thông và thu nhập bình quân đầu người. Nghiên cứu cũng khẳng định thương mại quốc tế làm gia tăng thêm tình trạng bất bình đẳng thu nhập. Hơn nữa, quốc gia có khả năng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cao và đồng thời tăng đầu tư cho giáo dục có thể gia tăng thêm bất bình đẳng thu nhập, điều này đặt ra thách thức trong phát triển bền vững tại các nền kinh tế phát triển cao trong thời gian tới.

Nghiên cứu có một số khuyến nghị chính sách cho các quốc gia như sau: tiếp tục cải thiện chất lượng thu hút đầu tư FDI nhằm giúp cho dòng vốn này đầu tư có hiệu quả hơn và qua đó gia tăng lợi ích của dòng vốn FDI đối với nền kinh tế, xã hội và giảm tình trạng bất bình đẳng thu nhập. Hai là, tiếp tục đầu tư vào giáo dục đào tạo, đặc biệt là giáo dục phổ thông, bởi đầu tư vào giáo dục có khả năng cải thiện vốn nhân lực và khả năng gia tăng thu nhập, giảm tình trạng bất bình đẳng. Ba là, cải thiện thương mại quốc tế theo hướng gia tăng khả năng đóng góp của doanh nghiệp nội địa vào hoạt động xuất, nhập khẩu, giúp cho doanh nghiệp nội địa phát triển, tạo giá trị gia tăng cho nền kinh tế.

Tài liệu tham khảo

- Castelló-Climent, A., & Doménech, R. (2021), 'Human capital and income inequality revisited', *Education Economics*, 29(2), 194–212. DOI: <https://doi.org/10.1080/09645292.2020.1870936>.
- Kábrt, T., & Brúna, K. (2022), 'Asymmetric effects of foreign capital on income inequality: The case of the Post-China 16 countries', *Economic Analysis and Policy*, 76, 613–626. DOI: <https://doi.org/https://doi.org/10.1016/j.eap.2022.08.025>.
- Kheng, V., Sun, S., & Anwar, S. (2017), 'Foreign direct investment and human capital in developing countries: a panel data approach', *Economic Change and Restructuring*, 50(4), 341–365. DOI: <https://doi.org/10.1007/s10644-016-9191-0>.
- Lee, J.W. and Lee, H. (2018), *Human Capital and Income Inequality*, ADBI Working Paper 810, Asian Development Bank Institute, Tokyo.
- Marimon, R., & Quadrini, V. (2011), 'Competition, human capital and income inequality with limited commitment',

-
- Journal of Economic Theory*, 146(3), 976–1008. DOI: <https://doi.org/10.1016/j.jet.2011.01.001>.
- McLaren, J., & Yoo, M. (2017), 'FDI and inequality in Vietnam: An approach with census data', *Journal of Asian Economics*, 48, 134–147. DOI: <https://doi.org/10.1016/j.asieco.2016.11.002>.
- Shahpari, G., & Davoudi, P. (2014), 'Studying Effects of Human Capital on Income Inequality in Iran', *Procedia-Social and Behavioral Sciences*, 109, 1386–1389. DOI: <https://doi.org/10.1016/j.sbspro.2013.12.641>.
- Turnovsky, S. J. (2011), 'The Accumulation of Human Capital and Income Inequality in a Two-Sector Economy', *Journal of Human Capital*, 5(4), 418–452. DOI: <https://doi.org/10.1086/663169>.
- Yahyaoui, I., & Bouchoucha, N. (2021), 'The long-run relationship between ODA, growth and governance: An application of FMOLS and DOLS approaches', *African Development Review*, 33(1), 38–54. DOI: <https://doi.org/10.1111/1467-8268.12489>.
- Yu, K., Xin, X., Guo, P., & Liu, X. (2011), 'Foreign direct investment and China's regional income inequality', *Economic Modelling*, 28(3), 1348–1353. DOI: <https://doi.org/10.1016/j.econmod.2011.02.026>.
- Yuldashev, M., Khalikov, U., Nasriddinov, F., Ismailova, N., Kuldashaeva, Z., & Ahmad, M. (2023), 'Impact of foreign direct investment on income inequality: Evidence from selected Asian economies', *PLOS ONE*, 18(2), e0281870. DOI: <https://doi.org/10.1371/journal.pone.0281870>.
- Wang, W., Xu, T., Liu, X., & Sun, Y. (2023), 'FDI inflows and income inequality: A Schumpeterian economic growth', *International Review of Economics & Finance*, 83, 805–820. DOI: <https://doi.org/10.1016/j.iref.2022.10.023>.
- Wu, J.-Y., & Hsu, C.-C. (2012), 'Foreign direct investment and income inequality: Does the relationship vary with absorptive capacity?', *Economic Modelling*, 29(6), 2183–2189. DOI: <https://doi.org/10.1016/j.econmod.2012.06.013>.